

Số: 78/2021/QĐST-HNGĐ

Điện Biên P, ngày 12 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2021 các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số **140/2021/TLST-HNGĐ** ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc "*Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn*"

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2021 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Thúy Q**; địa chỉ: Bản Him L, phường Him L, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Ông **Vũ Thế L**; địa chỉ: Số nhà XX, tổ dân phố YY, phường Thanh T, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Vũ Thế L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Vũ Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 25/01/2010 số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác; thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/8/2021, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần, thay thế mức cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Vũ Ngọc Quỳnh A tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 82/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con

sau khi ly hôn; việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi xuất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thi hành án.

2.2. Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTNQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đinh Thị Thúy Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông Vũ Thế L phải chịu 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. ĐBP;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Định